TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **208**/2017/HSST.
Ngày: 26/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với X phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : **Bà Đặng Thu Phương**
Các hội thẩm nhân dân **:** **1. Bà Trần Thị Oanh**
2. Ông Trần Quốc Sơn

Thư kí Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: **Bà Dương Thị Kim Mỹ**, Cán bộ Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Thơ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 202/2017/HSST ngày 03/8/2017 đối với các bị cáo:

1**.** Họ và tên: **Nguyễn Văn B -** Sinh năm 1990; HKTT: thôn P1, xã Y, huyện C, tỉnh Hưng Yên; Văn hóa: 3/12 – Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T1 và bà: Nguyễn Thị M; Có vợ là: Phạm Thị C1 (đã ly hôn); Có 01 con, SN 2012.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Danh chỉ bản số 000000496 ngày 20/7/2015 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/7/2015, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố HàNội (Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn B1 -** Sinh năm 1993; HKTT:Thôn P1, xã K1, huyện K2, tỉnh Hưng Yên; Văn hóa: 8/12 – Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn B3 (đã chết) và bà: Trần Thị V1; Có vợ là: Đinh Thị T; có 01 con sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Chưa

Danh chỉ bản số 000000492 ngày 20/7/2015 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/7/2015, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố HàNội (Có mặt)

3. Họ và tên: **Đinh Thị T -** Sinh năm 1994; HKTT:Thôn 5, xã T2 , huyện R, Kon Tum; Văn hóa: 12/12 – Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Công S và bà: Chu Thị D; Có chồng là Nguyễn Văn P; có 01 con sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Chưa

Danh chỉ bản số 000000491 ngày 28/7/2015 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội.

Bị cáo hiện tại ngoại (Có mặt)

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H -** Sinh năm 1997; HKTT:Thôn C2, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C3 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L1

Tiền án, tiền sự: Chưa

Danh chỉ bản số 000000490 ngày 28/7/2015 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2016. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố HàNội (Có mặt)

5. Họ và tên: **Vũ Văn D -** Sinh năm 1993; HKTT: Đội 3, xã D1, huyện K4, tỉnh Hưng Yên; Văn hóa: 8/12 – Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Văn Y và bà: Tào Thị T3

Tiền án, tiền sự: Chưa

Danh chỉ bản số 000000501 ngày 20/7/2015 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2015 đến ngày 28/9/2016. Hiện tại ngoại (Có mặt)

Người bị hại: **1. Chị Đinh Thị G** – Sinh ngày 06/7/2000 (Tại thời điểm bị bắt giữ trái pháp luật, chị G 15 tuổi 06 tháng 07 ngày)

NKTT: Bản P1, xã N1, huyện M1, tỉnh Sơn La (Vắng mặt)

2. **Bà Đinh Thị K, sinh năm 1980**

NKTT: Bản H1, xã T4, huyện M1, tỉnh Sơn La (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: **Bà Đinh Thị K, sinh năm 1980** (mẹ đẻ của chị G)

NKTT: Bản H1, xã T4, huyện M1, tỉnh Sơn La

(Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị G: **Ông Trương Công Đỉnh** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc chi nhánh số 5 – Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T, Nguyễn Văn H và Vũ Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 13h00’ ngày 18/7/2015, Công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố HàNội nhận được đơn của bà Đinh Thị K trình báo con gái là Đinh Thị G đang bị Nguyễn Văn B bắt giữ và yêu cầu chị phải trả 30.000.000 đồng tiền nợ. Hẹn giao nhận tiền tại Bến xe khách Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Theo đơn trình báo của bà Đinh Thị K, Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm tiến hành xác minh làm rõ: khoảng tháng 2/2015, Nguyễn Văn B và Trương Minh X (em họ vợ B) bàn nhau mở quán cafe để hoạt động mại dâm tại khu vực chợ Trung Quốc, huyện Sầm Nưa, tỉnh Hua Phăn, Lào. Sau khi B, X tìm được địa điểm mở quán, cả hai cùng về Việt Nam tìm nhân viên (gái bán dâm) để đưa sang Lào hoạt động mại dâm.

Ngày 15/4/2015, thông qua bạn bè X làm quen với Hà Thị Y (Sinh ngày 10/12/1999, HKTT: bản S2, xã P4, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La). X gọi điện thoại rủ Y sang Lào làm nhân viên bán café và bảo Y rủ thêm bạn đi cùng. Y rủ Đinh Thị G cùng làm nhân viên nhà hàng tại Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên. B và X liên lạc qua điện thoại mời G, Y sang Lào bán café. G và Y đồng ý. B nhờ Nguyễn Văn D (SN 1986, anh ruột B) đến Như Quỳnh trả nợ hộ tiền trọ và đưa G, Y ra cầu Thanh Trì, Hà Nội đón xe ô tô khách đi đến điểm hẹn bến xe Mộc Châu (Sơn La). Cũng trong thời gian này B, X làm quen với Lò Thị V (SN 1996, NKTT: bản Tà Nàng Thấp, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La). B, X trực tiếp gặp và rủ V sang Lào bán café. V đồng ý đi cùng.

Sáng ngày 16/4/2015, B ra bến xe Mộc Châu cùng đón G và Y đưa về nhà nghỉ M2 gặp X và V. Tất cả ngủ chung một phòng. Buổi sáng cùng ngày G, Y bỏ về xã Mường Sang. Do không biết đường, X nhờ bạn là Vì Văn H5 (SN 1990, NKTT: bản X1, xã P2, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La) đưa đến xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. X tìm được G và Y, X nhờ H5 chở G, X chở Y đưa G và Y quay về nhà nghỉ thì gặp B. B nhờ H5 chở G, B chở Y cùng về Lóng Phiêng, còn X và V về X phố Sơn La lấy giấy Chứng minh nhân dân và đến Công an tỉnh Sơn La để làm thủ tục cấp giấy thông hành qua biên giới Việt – Lào cho V.

Tại Lóng Phiêng, B nhờ Hà mượn sổ hộ khẩu của gia đình ông Vì Văn L2 (SN 1962, là chú họ của H5 - NKTT: Bản Pa Xa, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La). Sau khi mượn được sổ hộ khẩu, B đưa cho H5 02 ảnh của G và Y nhờ lên Công an xã xin xác nhận. Sau khi đến Công an xã

Lóng Phiêng xác nhận, Hà đưa lại toàn bộ giấy tờ cho B (H5 không biết mục đích đưa của B để đưa Y và G sang Lào bán dâm).

Sau đó, B đến Công an tỉnh Sơn La làm thủ tục cấp giấy chứng minh nhân dân và giấy thông hành cho G mang tên Vì Thị Thiết và Y mang tên Vì Thị Tha (cùng sinh ngày 7/7/1997, là 2 con gái của ông L2, có tên trong sổ hộ khẩu). Ngày 20/4/2015, B và X đưa Y, G và V xuất cảnh sang Lào qua cửa khẩu Lóng Sập, Mộc Châu, Sơn La rồi đưa đến quán cafe tại Sầm Nưa. Tại đây, B và X ép G, Y, V phải bán dâm cho khách và hứa trả lương. G, Y và V không được nhận tiền bán dâm mà được nuôi ăn, ở; khi cần chi tiêu thì vay B tạm ứng, mọi việc chi tiêu được B, X ghi vào sổ. Giấy thông hành của G, Y, có thời hạn 15 ngày, hết hạn B hoặc X lại mang ra cửa khẩu Lóng Sập gia hạn.

Đến ngày 01/6/2015, B bán lại quán hàng. B tính toán số tiền G, Y đã tạm ứng trong thời gian ở Lào thì G còn nợ 3.000.000 kíp (tương đương 30.000.000 đồng). Về Việt Nam, G đến xin làm nhân viên phục vụ tại nhà hàng H6 ở thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, còn Y và V bỏ về nhà.

Khoảng giữa tháng 6/2015, B đến nhà trọ cuả Nguyễn Văn P và Đinh Thị T tại số 4 ngõ 29, phố Phúc Tân, phường Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nhà trọ này được P và T thuê từ tháng 3/2015 để ở và nuôi một số tiếp viên nữ phục vụ quán Karaoke. P và T thuê Nguyễn Văn H và Vũ Văn D chuyên chở và quản lý hoạt động của tiếp viên nữ trong nhà trọ của P. Hàng ngày P, T, H, D thay nhau quản lý nhân viên, khóa cổng nhà trọ, không cho đi lại ra vào tự do.

Tối ngày 12/7/2015 biết tin G đã về Việt Nam và đang ở Như Quỳnh, B nói với P, T, H và D là có người nợ tiền B đang ở thị trấn Như Quỳnh. Khoảng 8 giờ ngày 13/7/2015, B rủ H đi tìm G để đòi nợ. H điều kK xe mô tô chở B đến nhà hàng H6 thì gặp G. Khi biết G không có tiền trả nợ, B quát mắng, chửi và bắt G lên xe mô tô do H điều khiển đưa về nhà trọ của P và T. B nói với P và T cho G ở mấy ngày và nhờ H, D trông giữ G, không cho G ra ngoài. B thu điện thoại của G đưa cho H giữ, không cho gọi điện về nhà. B sắp xếp cho G ở tầng 4 cùng tiếp viên nữ là Lê Thị Mỹ L3 (SN 1994, NKTT: thôn 4, xã Đ, Ngọc Hồi, Kon Tum). Khoảng 20h ngày 13/7/1015 khi B, P, T, H và D cùng G, L3 ngồi tại phòng tầng 2, B gọi điện thoại cho mẹ G là bà K thông báo việc G nợ tiền và đang bị B bắt giữ, yêu cầu bà K mang tiền xuống trả nợ và cho G nói chuyện điện thoại với mẹ. B hỏi T có biết viết giấy vay nợ không và bảo lấy giấy bút để T đọc cho G viết giấy vay nợ số tiền 30.000.000 đồng. Giấy vay nợ do T giữ. Sau đó B tiếp tục bảo P, T, H, D trông giữ G tại phòng trọ không cho ra ngoài để B liên hệ với chị K xuống trả tiền.

Từ ngày 13/7/2015 đến ngày 18/7/2015 B nhiều lần liên lạc với bà K yêu cầu phải mang 30.000.000 đồng xuống trả và hẹn gặp tại Bến xe khách Mỹ Đình. B nhắn tin đe dọa "…giờ em G nợ tiền, không có tiền trả thì cháu cho đi làm việc. Cô nói thế thì từ giờ cô không phải gọi điện cho cháu nữa, G mà có gì thì cháu không chịu đâu".

Do lo sợ con gái bị xâm hại nên khoảng 13 giờ ngày 18/7/2015, bà K đi xe khách từ Mộc Châu đến Bến xe Mỹ Đình và gọi điện cho B. B bảo P chở B ra bến xe Mỹ Đình đón bà K mang tiền xuống trả nợ. B dặn T, L3 trông giúp G.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, P điều kK xe mô tô Wave α màu đỏ BKS: 29V5 – 239.39, SM: 5235756, SK: 236039 chở B đến Bến xe Mỹ Đình gặp bà K. Bà K yêu cầu phải đưa G đến gặp thì mới trả tiền. B gọi điện bảo L3 cho G nói chuyện với bà K. P yêu cầu bà K về phòng trọ gặp G với mục đích lấy được tiền mới thả người nhưng bà K sợ bị bắt nên không đi. Khi B và P và bà K đang tiếp tục thỏa thuận về việc trả tiền thì bị Công an phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội bắt quả tang yêu cầu về trụ sở giải quyết. Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô Wave α màu đỏ, BKS: 29V5 – 239.39; SM: 5235756, SK: 236039

- 01 điện thoại di động 1280 màu xanh, số sim 01654991646 và 01 giấy chuyển nhượng quán.

- 01 giấy vay tiền 30.000.000 đồng (lưu tại hồ sơ).

Chiếc xe máy Honda Wave α màu đỏ, BKS: 29V5-239.39, số SM: 5235756, SK: 236039 thu giữ của Nguyễn Văn P. Nguyễn Văn P khai là xe P mua của 01 thanh niên không quen biết gần chợ Long Biên, Hoàn Kiến, Hà Nội với giá 6.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ mua bán.

Qua xác minh xác định: chiếc Biển kiểm soát: 29V5-239.39 được đăng ký cho xe máy Honda Dream SK: 391166, SM: 1691246 của anh Vương Văn T5 (SN 1994, NKTT: S1, Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội). Hiện anh T5 vẫn đang quản lý, sử dụng xe đến nay, không bị mất xe, không bị mất biển kiểm soát.

Tại bản kết luận giám định số 1954/PC 54 ngày 1/4/2016 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố HàNội xác định: Chiếc xe máy Honda Wave α SM: 5235756, SK: 236039 có số khung, số máy nguyên thủy; không nằm trong dữ liệu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và dữ liệu vật chứng. Do vậy, cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác minh nguồn gốc chiếc xe máy nêu trên. Ngày 12/4/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định số 38 tách tài liệu liên quan đến chiếc xe máy Honda Wave α SM: 5235756, SK: 236039 để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Hành vi của Nguyễn Văn D đón Đinh Thị G và Hà Thị Y từ Như Quỳnh đưa ra cầu Thanh Trì để lên xe khách đến Mộc Châu nhưng không biết là B đưa G, Y sang Lào bán dâm nên Công an quận Nam Từ Liêm không xử lý.

Hành vi của Vì Văn H5 mượn sổ hộ khẩu của ông Vì Văn L2 và xin xác nhận của chính quyền địa phương để B làm thủ tục cho G và Y xuất cảnh sang Lào, do hạn chế về nhận thức không biết mục đích của B để đưa G và Y sang Lào bán dâm nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Hành vi của Lê Thị Mỹ L3 (ở cùng phòng trọ G) được B nhờ để ý, trông giữ G nhưng bản thân L3 cũng là người bị P, T, H, D quản lý, không tham gia việc đe dọa đòi tiền nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Hành vi của B và X mở quán café để tổ chức cho Y, G, V bán dâm xảy ra tại Lào ngày 12/4/2016, Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định tách rút tài liệu số 38 để điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Chị Đinh Thị G, và bà Đinh Thị K không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Nguyễn Văn B và Trương Minh X có hành vi Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép vào tháng 4/2015 tại địa bàn tỉnh Sơn La thuộc thẩm quyền của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Sơn La. Ngày 8/5/2017 Cơ quan an ninh điều tra Công an Thành phố HàNội ra Quyết định tách vụ án hình sự số 02 chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Sơn La điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T, Nguyễn Văn H và Vũ Văn D khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số 203A/CT-VKS ngày 02/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T về tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cưỡng đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Vũ Văn D về tội "*Giữ người trái pháp luật"* theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận như nội dung cáo trạng nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị G không có yêu cầu gì về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt Nguyễn Văn B: 15-18 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật;

18-24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33-42 tháng tù

- Xử phạt Nguyễn Băn P: 15-18 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật; 18-24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33- 42 tháng tù

- Xử phạt Đinh Thị T: 12-15 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật;

15-18 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27- 33 tháng tù

- Xử phạt Nguyễn Văn H: 12-15 tháng tù về tội Bắt, giữ người trái pháp luật

- Xử phạt Vũ Văn D: 12-15 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật

* Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh thu của Nguyễn Văn B có liên quan đến việc phạm tội cần tịch sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Trong thời gian từ ngày 13/7/2015, tại số 4, ngõ 29 Phúc Tân, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố HàNội, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T đã có hành vi bắt và cùng Vũ Văn D giữ chị Đinh Thị G cho đến ngày 18/7/2015 với mục đích buộc chị G phải trả cho Nguyễn Văn B số tiền 30.000.000 đồng.

Trong thời gian từ ngày 13/7/2015 đến ngày 18/7/2015, Nguyễn Văn B, Đinh Thị T đã có hành vi ép buộc chị G phải viết giấy vay nợ số tiền 30.000.000 đồng. Trên cơ sở Giấy vay nợ, B đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa yêu cầu bà Đinh Thị K (mẹ chị G) phải đưa 30.000.000 đồng đến để trả nợ. Do lo sợ con gái bị xâm hại nên bà K đã hẹn gặp B để đưa tiền. Ngày 18/7/2015, Nguyễn Văn P điều kK xe mô tô Wave α màu đỏ BKS: 29V5-239.39 chở Nguyễn Văn B đến bến xe Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội gặp bà Đinh Thị K để nhận tiền thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T đã đủ yếu tố cấu X tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đủ yếu tố cấu X tội *"Bắt, giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 1

Điều 123 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Vũ Văn D đủ yếu tố cấu X tội "*Giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, gây bất P trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Ngoài ra, hành vi của Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P và Đinh Thị T còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ. Do đó, cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn B giữ vai trò chính, là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Tiếp theo là các bị cáo Nguyễn Văn P, Đinh Thị T, Nguyễn Văn H, Vũ Văn D với vai trò đồng phạm giúp sức phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 5 bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với trẻ em quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 5 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là X khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo B, P, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng chưa gây Vệt hại theo điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo T phạm tội khi đang có thai theo điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo H, D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Nhân thân các bị cáo B, P, T đều lần đầu phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét

* Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh thu của Nguyễn Văn B có liên quan đến việc phạm tội cần tịch sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T phạm tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật"* và tội "*Cưỡng đoạt tài sản";* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "*Bắt, giữ người trái pháp luật";* Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội "*Giữ người trái pháp luật".*

1.- Áp dụng khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48;Điều 50 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt **Nguyễn Văn B 18 (mười tám) tháng tù** về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; **20 (hai mươi) tháng tù** về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **38 (B mươi tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2015.

+ Xử phạt **Nguyễn Văn P 15 (mười lăm) tháng tù** về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; **12 (mười hai) tháng tù** về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **27 (hai mươi bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 135; điểm g, p, l khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48;Điều 50 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt **Đinh Thị T 09 (chín) tháng tù** về tội Bắt, giữ người trái pháp luật; **12 (mười hai) tháng tù** về tội Cưỡng đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **21 (hai mươi mốt) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt V hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt **Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù** về tội Bắt, giữ người trái pháp luật. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2016.

+ Xử phạt **Vũ Văn D 14 (mười bốn) tháng 09 (chín) ngày tù** về tội Giữ người trái pháp luật, được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 19/7/2015 đến ngày 28/9/2016. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76; 99, 231, 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo biên bản giao nhận vật chứng số 198 ngày 29/7/2016.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn P, Đinh Thị T, Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :

- Các bị cáo;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;

- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Đặng Thu Phương